

và phải xuất trình hộ chiếu có thị thực cho Đồn Công an ở địa điểm cuối cùng lúc ra hay địa điểm đầu tiên lúc vào.

Điều 2. — Thị thực vào hộ chiếu gồm có các loại :

- Thị thực xuất cảnh,
- Thị thực nhập cảnh,
- Thị thực xuất nhập cảnh,
- Thị thực nhập xuất cảnh,
- Thị thực quá cảnh.

Điều 3. — Bộ Ngoại giao cấp tất cả các loại thị thực vào các loại hộ chiếu.

Các cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự của nước Việt nam dân chủ cộng hòa ở nước ngoài có thể cấp các thị thực nhập cảnh, nhập xuất cảnh và quá cảnh vào các loại hộ chiếu.

Tùy từng trường hợp, các cơ quan nói trên quyết định thị thực có tính chất ngoại giao, công vụ hay phổ thông.

Bộ Công an và các cơ quan Công an được Bộ Công an ủy nhiệm có thể cấp thị thực xuất cảnh vào hộ chiếu phổ thông cho công dân Việt nam và kiều dân ngoại quốc.

Điều 4. — Trong phạm vi thẩm quyền của mình, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an sẽ quy định thủ tục và những giấy tờ cần thiết để xin thị thực.

Người xin thị thực phải nộp một số tiền để làm thủ tục phí. Thủ tục phí và cách thức thu thủ tục phí để xin thị thực vào hộ chiếu do các Bộ Ngoại giao, Bộ Công an và Bộ Tài chính ấn định.

Điều 5. — Thời hạn có giá trị của thị thực vào hộ chiếu nhiều nhất là 3 tháng. Trường hợp đặc biệt, thị thực có thể cấp đến 6 tháng.

Thị thực nhập xuất cảnh hoặc xuất nhập cảnh có thể dùng nhiều lần để ra vào trong thời hạn được cấp.

Điều 6. — Thị thực quá cảnh một lần đi qua nước Việt nam dân chủ cộng hòa hay quá cảnh cả đi lẫn về có giá trị nhiều nhất trong 15 ngày. Trường hợp quá cảnh đi bằng máy bay, tạm trú tại trường bay trong thời hạn 24 giờ thì được miễn thị thực.

Điều 7. — Người nào dùng hoặc làm thị thực giả mạo, dùng thị thực của người khác, tự ý sửa đổi những điều ghi trong thị thực sẽ bị truy tố trước pháp luật.

Điều 8. — Các ông Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, và Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 27 tháng 10 năm 1959

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

LIÊN BỘ

TÀI CHÍNH — GIAO THÔNG VÀ BUU ĐIỆN — NGÂN HÀNG QUỐC GIA

THÔNG TƯ số 39-LT/TT ngày 14-10-1959 quy định cụ thể nguyên tắc cấp vốn cho các xưởng đóng tàu.

Thị hành quyết định số 054-TTg ngày 19-2-1959 của Thủ tướng Chính phủ ấn định các nguyên tắc về cấp vốn lưu động đối với các xí nghiệp quốc doanh công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và bưu điện; về việc định mức tiêu chuẩn vốn lưu động cho các xí nghiệp quốc doanh, và về việc Ngân hàng quốc gia cho vay trong định mức vốn lưu động;

Căn cứ vào công văn số 3189-LĐ/TL ngày 10-7-1959 của Bộ Giao thông và Bưu điện quy định các xưởng đóng tàu 1, 2, 3 và 4 thuộc loại xí nghiệp công nghiệp;

Xét vì sau khi áp dụng nguyên tắc về việc thanh toán các công trình kiến thiết giữa các đơn vị kiến thiết với các xưởng đã có nhiều hiện tượng ứ đọng vốn, và đã gây khó khăn cho việc quản lý vốn của các xưởng;

Để tiết kiệm vốn Nhà nước đồng thời giúp các xưởng có điều kiện thuận tiện củng cố chế độ hạch toán kinh tế;

Liên bộ Tài chính — Giao thông và Bưu điện — Ngân hàng quốc gia quy định cụ thể nguyên tắc cấp vốn cho các xưởng đóng tàu như sau :

1. Việc định mức vốn lưu động cho các xưởng đóng tàu phải dựa theo nguyên tắc định mức vốn cho các xí nghiệp công nghiệp sản xuất không thời vụ là phải căn cứ theo sản lượng sản xuất toàn năm để định mức vốn lưu động bình quân cả năm.

2. Sau khi vốn lưu động định mức được xét duyệt, Nhà nước sẽ trích 30% chuyển cho Ngân hàng quốc gia để làm vốn cho vay trong định mức; còn 70% thì sau khi trừ nợ định mức kế hoạch, nếu thiếu Nhà nước sẽ cấp thêm cho đủ 70%, nếu thừa xưởng phải nộp lại cho ngân sách;

3. Trường hợp nguyên vật liệu ở ngoài về một lúc vượt định mức có ghi trong kế hoạch thì Ngân hàng quốc gia sẽ cho xưởng vay số vốn cần thiết để dự trữ vật tư trên mức tiêu chuẩn theo như thể lệ và biện pháp Ngân hàng cho vay ngắn hạn đối với các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh ban hành ngày 23-8-1957.

4. Đối với sản phẩm đang chế tạo thì chỉ được tính định mức vốn cho một chu kỳ, tối đa là 3 tháng. Trường hợp có những sản phẩm mà chu kỳ

sản xuất phải kéo dài quá 3 tháng thì sẽ căn cứ vào hợp đồng giữa đơn vị kiến thiết với các xưởng mà nghiệm thu và thanh toán từng phần sản phẩm bằng vốn cấp phát của Ngân hàng kiến thiết.

Dựa vào những nguyên tắc trên Bộ Giao thông và Bưu điện sẽ có thông tri cụ thể hướng dẫn thi hành.

Hà nội, ngày 14 tháng 10 năm 1959

K.T. Tổng Giám đốc Ngân hàng Quốc gia Việt nam VŨ DUY HIỆU	K.T. Bộ trưởng Bộ Tài Chính Thứ trưởng TRỊNH VĂN BÌNH	K.T. Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện Thứ trưởng NGUYỄN NHƯ QUỶ
--	--	--

NỘI VỤ — TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 50-TT/LB ngày 14-10-1959 về việc chăm sóc giúp đỡ gia đình liệt sĩ, gia đình tử sĩ.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Kính gửi: các Ủy ban Hành chính khu, thành phố, tỉnh, khu vực Vĩnh linh

Trong quá trình đấu tranh cách mạng của dân tộc ta, nhiều gia đình đã phải hy sinh những người ruột thịt của mình để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ dân tộc, đem lại hòa bình, độc lập, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Đối với các gia đình này, Đảng, Chính phủ và nhân dân có trách nhiệm chăm sóc giúp đỡ để đền đáp công ơn những người đã hy sinh phấn đấu vì sự nghiệp cách mạng của Tổ quốc, của dân tộc.

Từ ngày hòa bình lập lại, bên cạnh những cố gắng vượt bực để phục hồi, cải tạo, phát triển kinh tế phát triển văn hóa, cải thiện đời sống cho nhân dân, Đảng và Chính phủ đã ban hành các chính sách ưu đãi gia đình liệt sĩ, giúp đỡ gia đình tử sĩ, các địa phương đã cố gắng dựa vào nhân dân thực hiện các chính sách đó, mặt khác chế độ tiền tuất đã thi hành được đại bộ phận, cho nên đời sống của các gia đình liệt sĩ, gia đình tử sĩ, nói chung đã được cải thiện hơn trước.

Tuy nhiên, lúc đặc ở nông thôn cũng như ở thành thị hiện nay vẫn còn một số thân nhân liệt sĩ, tử sĩ, vì thiếu sức lao động hoặc già yếu bệnh tật mất sức lao động, đời sống đang gặp nhiều khó khăn, cần phải có biện pháp tích cực giúp đỡ giải quyết.

I. PHƯƠNG HƯỚNG GIÚP ĐỠ ĐỐI VỚI CÁC GIA ĐÌNH LIỆT SĨ, TỬ SĨ THIẾU SỨC LAO ĐỘNG, HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN

Căn cứ tình hình trên, thi hành nghị quyết của Thường vụ Hội đồng Chính phủ ngày 13-5-1959, Liên bộ Nội vụ — Tài chính quy định những biện pháp giúp đỡ đối với các gia đình liệt sĩ, tử sĩ, thiếu sức lao động, hoàn cảnh khó khăn như sau:

1. Đền đáp công lao của các liệt sĩ, tử sĩ, là nhiệm vụ của toàn dân, cho nên phương hướng giúp đỡ các gia đình liệt sĩ, tử sĩ, thiếu sức lao động, hoàn cảnh khó khăn, chủ yếu vẫn là dựa vào nhân dân.

Muốn vậy, Ủy ban Hành chính các cấp cần làm cho cán bộ và nhân dân nhận thức thật sâu sắc công lao của các liệt sĩ, tử sĩ, và thông cảm những khó khăn của gia đình, để có nhiệt tình quan tâm chăm sóc giúp đỡ, chấp hành đầy đủ các chính sách của Đảng và Chính phủ làm cho đời sống của gia đình liệt sĩ, tử sĩ, được yên vui no ấm.

Đối với các gia đình liệt sĩ, tử sĩ thiếu sức lao động ở nông thôn, cần dựa vào các tổ đổi công hợp tác xã, để sắp xếp cho có công việc làm hợp với khả năng, giúp đỡ kinh doanh thêm nghề phụ, giúp đỡ thêm công sức, chiếu cố trong việc chia hoa lợi, v.v... đảm bảo cho mức thu hoạch bình quân không sút kém so với những hộ xã viên lao động trung bình có nhân khẩu tương đương, như tinh thần chỉ thị số 165-CB/TU của Trung ương Đảng về chính sách đối với thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp.

Đối với các gia đình liệt sĩ, tử sĩ, ở thị trấn, thành phố, cần dựa vào các tổ hợp tác, tổ sản xuất, để vận động giúp đỡ và sắp xếp cho có công việc làm thích hợp với khả năng.

Riêng một số trường hợp thân nhân liệt sĩ, tử sĩ, như cha mẹ già, vợ góa, con côi, bệnh tật ốm yếu, không có sức lao động, hiện nay đang bơ vơ không nơi nương tựa, cần vận động nhân dân giúp đỡ, giúp công, cấy cấy giúp một số ruộng đất, bảo đảm cho có phần thu nhập tương đối đủ sống, và sắp xếp cho ở với các gia đình thân thuộc, hoặc các gia đình nhân dân có nhiệt tình, để có sự trông nom giúp đỡ.

2. Đối với một số trường hợp thật đặc biệt như: ông bà, cha mẹ, vợ hay chồng của liệt sĩ, tử sĩ, già yếu bệnh tật không còn sức lao động, con em liệt sĩ, tử sĩ, còn nhỏ dưới 16 tuổi chưa đủ sức lao động, bơ vơ không nơi nương tựa hoặc có nơi nương tựa nhưng đời sống quá thiếu thốn khó khăn, đói rách, không được học hành, nhân dân đã có nhiều biện pháp tận tình giúp đỡ nhưng khó khăn căn bản vẫn chưa giải quyết được, nhất thời